

Số: 889 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 23 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về quản lý dịch vụ công ích đô thị trên  
địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/5/2015;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về định mức chi phí dịch vụ công ích đô thị và quản lý kinh phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 101/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về định mức chi phí dịch vụ công ích đô thị và quản lý kinh phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai, ban hành kèm theo Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 183/TTr-STC ngày 23/3/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định về quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký ban hành và thay thế Quyết định 859/QĐ-UBND ngày 12/4/2013 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý và thực hiện dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Tài chính, Xây dựng;  
Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Thủ trưởng các  
cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Nhu Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- LĐ văn phòng;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT2, QLĐT1,4, TH2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Đặng Xuân Phong**

## QUY ĐỊNH

**Quản lý dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai**  
(Kèm theo Quyết định số: 889/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

## CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Các dịch vụ công ích đô thị (DVCI ĐT) thực hiện thường xuyên: Là các dịch vụ được thực hiện hàng ngày nhằm duy trì hoạt động đô thị và đời sống sinh hoạt của nhân dân, bao gồm:

- a) Công tác quét, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt;
- b) Công tác duy trì, chăm sóc cây xanh đô thị (bao gồm cả cắt tỉa, chặt hạ cây xanh nghiêng đổ, sâu bệnh);
- c) Công tác duy trì, vận hành hệ thống điện chiếu sáng đô thị;
- d) Công tác duy trì nhà vệ sinh công cộng;
- đ) Công tác duy trì cửa thu nước;
- e) Công tác vận hành nhà máy xử lý rác thải;
- g) Công tác vận hành Đài phun nước.

2. Các DVCI ĐT không thường xuyên: Là các dịch vụ công ích đô thị chưa xác định được khối lượng ngay từ đầu năm và các công việc phát sinh đột xuất khác, bao gồm:

- a) Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng đô thị;
- b) Nạo vét hệ thống thoát nước đô thị;
- c) Xúc, hót bùn, đất tràn ra đường do mưa bão.

### Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định này quy định về công tác quản lý DVCI ĐT trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bao gồm:

- Công tác xây dựng, phê duyệt sổ bộ về các đối tượng sử dụng dịch vụ công ích đô thị;
  - Công tác lập dự toán thu giá DVCI ĐT;
  - Công tác lập dự toán kinh phí thực hiện DVCI ĐT;
  - Công tác quản lý kinh phí thực hiện DVCI ĐT.
- b) Quy định này không bao gồm:

- Các dịch vụ vệ sinh môi trường thuộc phạm vi các khu công nghiệp, khu thương mại, cụm tiểu thủ công nghiệp;
- Việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại rác thải, phế thải xây dựng, sản xuất công nghiệp và các hoạt động khác.

## 2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ về quản lý, sử dụng, thực hiện dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

## CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### **Điều 3. Xây dựng, phê duyệt, phê duyệt bổ sung sổ bộ:**

1. UBND huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị (Phòng kinh tế hạ tầng) chủ trì, phối hợp Chi cục thuế, Phòng Tài chính – Kế hoạch và UBND các xã, phường, thị trấn rà soát các đối tượng sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn, tổng hợp lập sổ bộ, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt làm cơ sở tính dự toán thu và thực hiện thu giá dịch vụ.

Hàng năm, UBND huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế hạ tầng) chủ trì, phối hợp Chi cục thuế, Phòng Tài chính – Kế hoạch và UBND các xã, phường, thị trấn rà soát, báo cáo UBND cấp huyện phê duyệt điều chỉnh bổ sung đối với các đối tượng có biến động. Việc phê duyệt sổ bộ bổ sung phải thực hiện xong trước ngày 15/6 năm báo cáo làm cơ sở để tính dự toán năm kế hoạch.

Riêng đối với việc phê duyệt sổ bộ năm 2018, UBND huyện, thành phố thực hiện xong trước ngày 30/4/2018 làm cơ sở tính toán lại dự toán năm 2018.

Việc rà soát, tổng hợp lập danh sách sổ bộ (kể cả rà soát điều chỉnh hàng năm) phải được lập thành biên bản, làm cơ sở kiểm tra đối chiếu.

2. Sổ bộ sau khi được phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh, UBND cấp huyện gửi Sở Tài chính, Sở Xây dựng làm cơ sở để thẩm định dự toán, đồng thời để theo dõi, kiểm ra trong quá trình thực hiện.

### **Điều 4. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán thu - chi DVCI ĐT**

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập dự toán và đề xuất phương thức cung ứng dịch vụ công ích đô thị (DVCI ĐT) năm kế hoạch gửi Sở Tài chính, Sở Xây dựng chậm nhất ngày 15 tháng 6 năm báo cáo.

2. Khối lượng để lập dự toán năm kế hoạch:

a) Các nội dung cơ bản về khối lượng các dịch vụ công ích cần xác định tổng hợp để lập dự toán kinh phí bao gồm:

- Chiều dài, diện tích các loại đường phố, ngõ xóm (kể cả via hè) và mức độ, thời gian cần duy trì công tác quét, thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày.

- Khối lượng rác thải sinh hoạt bình quân ngày đêm, cự ly vận chuyển rác thải từ các ga rác về nơi chôn lấp, xử lý.

- Số lượng, chủng loại cây cảnh, cây hoa, thảm cỏ công cộng, mức độ cần duy trì chăm sóc thường xuyên, định kỳ.

- Số lượng, công suất các bóng đèn chiếu sáng công cộng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông; thời gian bật, tắt luân phiên đèn chiếu sáng ở các tuyến phố, khu vực công cộng cho phù hợp và đảm bảo sử dụng tiết kiệm điện.

- Khối lượng rác hữu cơ đưa vào xử lý tại nhà máy rác.

- Số giờ bật tắt Đài phun nước, số lượng công bảo vệ, điện năng tiêu thụ tại Đài phun nước.

- Chiều dài hệ thống thoát nước đô thị, dự kiến khối lượng bùn cần nạo vét hàng năm...

b) Nguyên tắc xác định khối lượng để lập dự toán DVCI ĐT năm kế hoạch: Khối lượng thực hiện, khối lượng dự kiến phát sinh phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại Khoán 1, Điều 1, Chương I; Điều 5, Chương II, Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/5/2016 và Điều 1 Quyết định số 101/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh.

Trường hợp khối lượng phát sinh không đáp ứng đủ các tiêu chí đã nêu trên thì UBND các huyện (thành phố) căn cứ nhu cầu thực tế, xây dựng phương án thực hiện bằng các hình thức huy động nguồn kinh phí xã hội hóa ... để tổ chức thực hiện cho phù hợp.

### 3. Xây dựng đơn giá DVCI ĐT:

a) UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm xây dựng đơn giá các công việc DVCI ĐT liên quan để lập dự toán kinh phí. Đơn giá dịch vụ công ích đô thị được xác định trên cơ sở định mức chi phí quy định tại phụ lục số 01, 02, 03, 04 và quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 10 Chương III Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/5/2016; đơn giá ca máy theo quy định của UBND tỉnh; bù thuế bảo vệ môi trường, bù tiền nhiên liệu (nếu có); mức lương cơ sở, chế độ ăn ca và các quy định khác có liên quan tại thời điểm lập dự toán.

b) Các công việc có chi phí vật liệu thì đơn giá vật liệu căn cứ vào thông báo giá vật liệu quý của liên Sở Tài chính - Xây dựng; trường hợp không có trong thông báo giá quý thì phải được cơ quan chức năng thẩm định giá theo quy định. Thời điểm xác định giá vật liệu để xây dựng dự toán như sau:

- Đối với công việc sửa chữa hệ thống điện: Giá vật liệu tính tại thời điểm xác định khối lượng để lập dự toán.

- Đối với các công việc dịch vụ công ích còn lại: Giá vật liệu tính tại thời điểm quý II đối với danh mục vật tư, vật liệu được thông báo giá và tháng 6 đối với danh mục vật tư vật liệu được thẩm định giá của năm báo cáo.

c) Hàng năm, khi có sự điều chỉnh về mức lương cơ sở, đơn giá ca máy thì UBND các huyện, thành phố điều chỉnh theo quy định tại thời điểm tính đơn giá.

### 4. Dự toán kinh phí thực hiện DVCI ĐT của các huyện, thành phố bao gồm:

a) Dự toán thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Số lượng đối tượng phải thực hiện thu nộp giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt: căn cứ theo số bộ đã được UBND huyện, thành phố phê duyệt.

- Mức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của UBND tỉnh Lào Cai và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

b) Dự toán chi DVCI ĐT trên địa bàn huyện, thành phố

- Dự toán chi DVCI ĐT trên địa bàn huyện, thành phố gồm:

+ Dự toán kinh phí thực hiện công tác quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, tưới nước rửa đường, duy trì nhà vệ sinh công cộng.

+ Dự toán kinh phí thực hiện công tác duy trì cây xanh đô thị.

+ Dự toán kinh phí thực hiện công tác duy trì lưới điện chiếu sáng đô thị

+ Dự toán kinh phí thực hiện công tác duy trì hệ thống thoát nước.

- Khối lượng, đơn giá thực hiện các dịch vụ công ích làm cơ sở để tính dự toán được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

c) Biểu mẫu dự toán:

- Biểu số 01/DT: Sổ bộ thống kê đối tượng sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Biểu số 02/DT: Dự toán thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Biểu số 03/DT: Dự toán chi DVCI ĐT trên địa bàn huyện, thành phố. Kèm theo các Phụ biểu 3.1/DT, 3.2/DT, 3.3/DT, 3.4/DT, 3.5/DT.

5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh thẩm định dự toán thu – chi dịch vụ công ích đô thị của các huyện, thành phố, cân đối ngân sách trình UBND tỉnh xem xét giao dự toán kinh phí cho ngân sách các huyện, thành phố thực hiện DVCI ĐT cùng dự toán thu – chi ngân sách hàng năm.

6. Xử lý khối lượng dịch vụ công ích đô thị phát sinh tăng, giảm trong năm thực hiện:

a) Đối với trường hợp phát sinh tăng khối lượng thực hiện DVCI ĐT do sử dụng ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố: UBND huyện, thành phố tự cân đối từ dự toán được UBND tỉnh phê duyệt đầu năm để thực hiện.

Đối với khối lượng phát sinh tăng đáp ứng được các yêu cầu theo quy định tại điểm e, khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/5/2016; khoản 1, Điều 1 Quyết định số 101/2016/QĐ-UBND ngày 17/11/2016: UBND huyện, thành phố tổng hợp, bổ sung vào dự toán năm sau.

b) Đối với trường hợp phát sinh giảm khối lượng thực hiện DVCI ĐT do sửa chữa, nâng cấp hệ thống đường; thay thế, đốn hạ cây xanh đô thị; sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí...: UBND các huyện, thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn có liên quan chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn, đơn vị cung cấp dịch vụ công ích đô thị và chủ đầu tư dự án chủ động tiến hành khảo sát, đo đếm xác định khối lượng, thống nhất biên bản để giảm trừ khối lượng thực hiện DVCI ĐT.

c) Đối với trường hợp sử dụng ngân sách do UBND các huyện, thành phố quản lý đảm bảo toàn bộ: UBND các huyện, thành phố tự tổ chức thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện.

#### **Điều 5. Phương thức thực hiện DVCI ĐT**

##### **1. Lựa chọn đơn vị cung ứng DVCI ĐT:**

Sau khi có Quyết định giao dự toán của UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện cung ứng DVCI ĐT như sau:

a) Hình thức lựa chọn đơn vị cung ứng DVCI ĐT: Đầu thầu lựa chọn nhà thầu.

Quy trình đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ công ích đô thị được thực hiện theo quy định tại Luật đấu thầu số 43/2013/QH13; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và các văn bản pháp lý khác có liên quan. Thời gian thực hiện tối đa 12 (mười hai) tháng và phù hợp với niêm độ ngân sách.

b) Đối với trường hợp không đáp ứng được các điều kiện đấu thầu thì UBND huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định phương thức lựa chọn nhà thầu phù hợp theo quy định.

2. UBND các huyện, thành phố tổ chức ký hợp đồng với đơn vị cung ứng các DVCI ĐT đã được lựa chọn đảm bảo về khối lượng, chất lượng dịch vụ.

##### **3. Nghiệm thu, thanh toán khối lượng thực hiện DVCI ĐT:**

###### **a) Thành phần tham gia nghiệm thu:**

- + Đại diện Phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế hạ tầng) huyện, thành phố.
- + Đại diện Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, thành phố.
- + Đại diện đơn vị cung cấp dịch vụ công ích đô thị.
- + UBND xã (phường, thị trấn), các tổ trưởng dân phố.

###### **b) Nội dung, thời gian nghiệm thu khối lượng:**

- Đối với các công việc thường xuyên và xác định được khối lượng hoàn thành hàng tháng, quý: Quét, thu gom rác thải sinh thải sinh hoạt, xử lý rác thải, phun nước rửa đường chống bụi; duy trì thường xuyên thảm cỏ, bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào đường viền, cây trồ hoa tạo hình, cây cảnh trồng chậu, cây leo và cây bóng mát mới trồng; vận hành điện chiếu sáng, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông.

+ Thời gian nghiệm thu: Thực hiện nghiệm thu theo quý, thời điểm nghiệm thu trước ngày 10 tháng đầu của quý sau.

+ Khối lượng nghiệm thu: Căn cứ khối lượng giao theo hợp đồng, kết quả kiểm tra nghiệm thu thực tế, phiếu nhận xét đánh giá của Tổ trưởng dân phố và kết quả kiểm tra theo dõi hàng tháng của Phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế hạ tầng) huyện, thành phố.

- Đối với công việc không thường xuyên: Tỉa cành, chặt hạ cây xanh, thay hoa thời vụ; nạo vét hệ thống thoát nước đô thị; sửa chữa thay thế vật tư hệ thống điện và các công việc phát sinh đột xuất khác.

+ Thời gian nghiệm thu: Ngay sau khi công việc hoàn thành trên cơ sở theo dõi hàng ngày của cán bộ giám sát Phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế hạ tầng) trong suốt quá trình thực hiện công việc.

+ Khối lượng nghiệm thu: Căn cứ biên bản xác định khối lượng và chất lượng thực hiện, phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế hạ tầng) huyện, thành phố tiến hành nghiệm thu khối lượng các công việc hoàn thành để làm cơ sở cho việc thanh toán kinh phí.

c) Biểu mẫu nghiệm thu:

- Mẫu số 01/NT: Biên bản nghiệm thu khối lượng dịch vụ công ích đô thị quý...năm..., trong đó kèm theo các phụ lục:

+ Phụ lục số 01: Công tác quét, thu gom, vận chuyển rác thải đường phố; công tác vận chuyển, xử lý rác thải; công tác phun nước chống bụi; công tác duy trì nhà vệ sinh công cộng trong đó kèm theo các phụ lục.

+ Phụ lục số 02: Công tác chăm sóc, duy trì cây xanh, cây cảnh đô thị.

+ Phụ lục số 03: Công tác vận hành hệ thống điện chiếu sáng, trang trí đô thị.

- Mẫu số 02/NT: Biên bản xác định giá trị thanh toán khối lượng dịch vụ công ích đô thị quý... năm..., trong đó kèm theo phụ lục khối lượng và nhật ký thi công.

- Mẫu số 03/NT: Biên bản nghiệm thu khối lượng nạo vét hệ thống thoát nước, trong đó kèm theo phụ lục khối lượng và nhật ký thi công.

- Mẫu số 04/NT: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đưa vào sử dụng hạng mục sửa chữa điện, trong đó kèm theo phụ lục khối lượng sửa chữa; Biên bản xác định giá trị thanh toán hạng mục sửa chữa hệ thống điện, trong đó kèm theo phụ lục đơn giá công việc sửa chữa và chi tiết giá trị thanh toán.

Ngoài các biểu mẫu trên, trong quá trình kiểm tra, giám sát nghiệm vụ các dịch vụ công ích đô thị, khi có vấn đề phát sinh, Phòng Quản lý đô thị (Kinh tế hạ tầng) nghiên cứu điều chỉnh các biểu mẫu cho phù hợp với tình hình thực tế.

d) Hồ sơ, thời gian thanh toán: Nội dung chủ yếu trong hồ sơ đề nghị thanh toán kinh phí dịch vụ công ích đô thị bao gồm:

- Hợp đồng và phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có) giữa Phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế hạ tầng) và đơn vị cung cấp dịch vụ công ích đô thị.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành giữa Phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế hạ tầng) và đơn vị cung cấp dịch vụ công ích đô thị.

- Bảng xác định giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu và đơn giá của từng loại dịch vụ công ích đô thị. Trong đó, nêu rõ khối lượng, giá trị các công việc đã hoàn thành, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán đợt này.

- Thời gian thanh toán trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

e) Yêu cầu trong công tác nghiệm thu:

Nghiệm thu đảm bảo đúng thực tế, đúng thời điểm và kịp thời, các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

#### 4. Quyết toán kinh phí:

Kinh phí DVCI ĐT được thực hiện quyết toán hàng năm, theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

UBND các huyện, thành phố phải gửi hồ sơ quyết toán kinh phí dịch vụ công ích đô thị cho Sở Tài chính cùng thời gian với báo cáo quyết toán kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện.

#### **Điều 6: Nguồn kinh phí**

1. Nguồn thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.
2. Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố.
3. Ngân sách huyện, thành phố đảm bảo phần kinh phí phát sinh tăng so với dự toán được UBND tỉnh phê duyệt.
4. Nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.
5. Đối với kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung hàng năm không sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm sau sử dụng đúng mục đích.

### **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**

##### 1. Sở Xây dựng:

- a) Chủ trì xây dựng, sửa đổi bổ sung các định mức, đơn giá thực hiện DVCI ĐT trên địa bàn tỉnh.
- b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành những đơn giá chưa có trong hệ thống đơn giá DVCI ĐT trên địa bàn tỉnh.
- c) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định khối lượng các hạng mục công việc thực hiện DVCI ĐT của UBND các huyện, thành phố.

##### 2. Sở Tài chính:

- a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định dự toán kinh phí thực hiện DVCI ĐT do ngân sách tỉnh đảm bảo. Thời gian thẩm định dự toán không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- b) Chủ trì trình UBND tỉnh quyết định giao dự toán và phương thức thực hiện các DVCI ĐT trên địa bàn tỉnh.

- c) Thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện để thực hiện DVCI ĐT theo quy định.

##### 3. Cục Thuế tỉnh:

- a) Chủ trì hướng dẫn các đơn vị cung cấp DVCI ĐT kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế theo quy định.

- b) Chỉ đạo Chi cục Thuế huyện, thành phố và các phòng chuyên môn thuộc Cục Thuế cung cấp thông tin về các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý cho các đơn vị liên quan để xây dựng sổ bộ thu giá DVCI ĐT hàng năm.

##### 4. UBND các huyện, thành phố:

a) Chịu trách nhiệm về việc quản lý, thực hiện DVCI ĐT trên địa bàn đảm bảo về khối lượng, chất lượng dịch vụ được quy định tại Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí DVCI ĐT theo đúng các quy định hiện hành.

c) Chỉ đạo việc rà soát, xây dựng và bổ sung sổ bộ theo quy định tại Điều 3, Quy định này; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tính kịp thời, đầy đủ của sổ bộ.

d) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, thành phố phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ trong việc triển khai thu tiền sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn quản lý. Định kỳ 01 lần/năm (trước ngày 15/01 hàng năm) tổng hợp báo cáo số thu tiền sử dụng dịch vụ gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

e) Chỉ đạo phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế và Hạ tầng):

- Căn cứ dự toán thu của đơn vị cung cấp dịch vụ, tổng hợp gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, trình UBND huyện, thành phố tạm giao dự toán thu dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Trước ngày 20/12 hàng năm, kiểm tra, xác định số thu thực tế của đơn vị cung cấp dịch vụ; tổng hợp gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định để làm căn cứ bù trừ thu - chi kinh phí dịch vụ công ích đô thị trong năm.

f) Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn:

- Tổ chức tuyên truyền sâu, rộng và thường xuyên về công tác vệ sinh môi trường đô thị để xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp và văn minh. Chỉ đạo các thôn, Tổ dân phố có sử dụng dịch vụ công ích đô thị đưa nội dung chấp hành quy định về vệ sinh môi trường đô thị vào các cuộc họp thường xuyên của thôn, Tổ dân phố.

- Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công ích đô thị để thống nhất quy định thời gian, địa điểm đổ rác, dụng cụ đựng rác thải sinh hoạt trên địa bàn, đảm bảo vệ sinh và mỹ quan đô thị.

- Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn.

- Phản ánh, báo cáo UBND các huyện, thành phố những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn.

- Tham gia công tác nghiệm thu các sản phẩm dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

5. Đơn vị cung ứng dịch vụ công ích đô thị:

a) Tổ chức cung ứng dịch vụ công ích đô thị theo đúng hợp đồng đã ký kết, đảm bảo quy trình kỹ thuật và chất lượng theo quy định.

b) Lập kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích đô thị hàng tháng, quý, năm theo hợp đồng để có cơ sở kiểm tra, giám sát.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình thực hiện các dịch vụ công ích đô thị.

- d) Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đô thị, giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà nước trong quá trình cung ứng dịch vụ công ích đô thị.
- e) Thực hiện việc thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Quyết định 3460/QĐ-UBND ngày 02/08/2017 của UBND tỉnh Lào Cai.
- g) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện cung ứng các DVCI ĐT. Phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng thuộc UBND huyện, thành phố những tồn tại khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn.

#### **Điều 8. Xử lý các công việc dịch vụ công ích chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ, nội dung công việc đã tổ chức lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ công ích đô thị trước ngày ban hành Quyết định này và đang trong thời gian thực hiện hợp đồng thì tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, triển khai thực hiện theo các nội dung của Quyết định này và các quy định hiện hành của nhà nước có liên quan.

#### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc đối với những nội dung quy định nêu trên, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan gửi văn bản kịp thời về Sở Tài chính, Sở Xây dựng để báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



**Đặng Xuân Phong**